

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
NGÀNH: CÔNG NGHỆ DỆT, MAY

Tên chương trình: Chương trình đào tạo Công nghệ Dệt, May

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành đào tạo: Công nghệ Dệt, May - Textile - Apparel Technology

Mã ngành: 9540204

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐH BK-SĐH ngày tháng năm 2015
của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Tiến sĩ ngành Công nghệ Dệt May có trình độ chuyên môn sâu cao, có khả năng nghiên cứu độc lập và lãnh đạo nhóm nghiên cứu các lĩnh vực của chuyên ngành, có tư duy khoa học, có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề khoa học chuyên ngành, có khả năng trình bày - giới thiệu các nội dung khoa học, đồng thời có khả năng đào tạo các bậc Đại học và Cao học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi đã kết thúc thành công chương trình đào tạo, Tiến sĩ chuyên ngành Công nghệ Dệt May:

Có khả năng phát hiện và trực tiếp giải quyết các vấn đề khoa học thuộc các lĩnh vực kỹ thuật Dệt May như: Vật liệu Dệt May, Công nghệ hóa dệt, Công nghệ Sợi Dệt, Công nghệ và Thiết kế sản phẩm May

Có khả năng dẫn dắt, lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc các lĩnh vực (kỹ thuật) Dệt May. Có khả năng nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các giải pháp công nghệ thuộc lĩnh vực nói trên trong thực tiễn.

Có khả năng cao để trình bày, giới thiệu (bằng các hình thức bài viết, báo cáo hội nghị, giảng dạy đại học và sau đại học) các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực nói trên.

2. Thời gian đào tạo

Hệ tập trung liên tục: 3 năm liên tục đối với NCS có bằng ThS, 4 năm đối với NCS có bằng ĐH.

Hệ không tập trung liên tục: NCS có văn bằng ThS đăng ký thực hiện trong vòng 4 năm đảm bảo tổng thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường là 3 năm và 12 tháng đầu tiên tập trung

liên tục tại Trường.

3. Khối lượng kiến thức

Khối lượng kiến thức bao gồm khối lượng của các học phần Tiến sĩ và khối lượng của các học phần bổ sung được xác định cụ thể cho từng loại đối tượng tại mục 4.

NCS đã có bằng ThS: Tối thiểu 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + khối lượng bổ sung (nếu có).

NCS mới có bằng ĐH: Tối thiểu 8 tín chỉ học phần tiến sĩ + số tín chỉ (không kể luận văn) của Chương trình Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May.

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh đã có bằng Thạc sĩ với chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng ngành/chuyên ngành) hoặc gần phù hợp với chuyên ngành chuyên ngành Dệt May. Đối với các thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học, chỉ tuyển sinh ngành/chuyên ngành tốt nghiệp phù hợp (đúng ngành/chuyên ngành). Mức độ "phù hợp hoặc gần phù hợp" với ngành/chuyên ngành Dệt May, được định nghĩa cụ thể ở mục 4.1 sau đây.

4.1. Định nghĩa

Ngành phù hợp (đúng): Là các thí sinh có bằng Thạc sĩ ngành "Công nghệ Vật liệu dệt may".

Các thí sinh có bằng Đại học ngành: Công nghệ hoặc kỹ thuật dệt, Công nghệ hoặc kỹ thuật may, Công nghệ hoặc kỹ thuật nhuộm và hoàn tất, Công nghệ hóa dệt, Công nghệ sợi dệt, Vật liệu dệt may, **Công nghệ da giày**.

Ngành/chuyên ngành gần phù hợp: Là các thí sinh có bằng Thạc sĩ:

Chuyên ngành thiết kế thời trang của các trường Đại học kỹ thuật.

Ngành Công nghệ Hóa học

Ngành Khoa học và Công nghệ Vật liệu

Ngành Cơ khí.

4.2. Phân loại đối tượng ngành

- Đối tượng A1: Thí sinh có bằng ThS Khoa học của ĐH Bách Khoa Hà Nội hoặc ThS Kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp, **ThS** các trường đại học ở nước ngoài có uy tín cấp (được bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) với ngành tốt nghiệp cao học đúng với ngành/chuyên ngành Tiến sĩ.

Đây là đối tượng không phải tham gia học bổ sung.

- Đối tượng A2: Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đúng, phù hợp với ngành/chuyên ngành xếp loại "Xuất sắc" hoặc loại "Giỏi". Đối với bằng tốt nghiệp xếp loại "Giỏi" yêu cầu người dự tuyển là tác giả của ít nhất 01 bài báo đã đăng trong tạp chí/kỷ yếu hội nghị chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm, hoặc người dự tuyển đạt thành tích sinh viên nghiên cứu khoa học từ giải ba cấp Trường trở lên.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung toàn bộ chương trình thạc sĩ khoa học.

- Đối tượng A3: Thí sinh có bằng ThS kỹ thuật (thạc sĩ theo định hướng ứng dụng) đúng ngành hoặc có bằng ThS tốt nghiệp ngành gần phù hợp.

Đây là đối tượng phải tham gia học bổ sung.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện công nhận đạt

Quy trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tuân thủ Quyết định số 3341/QĐ-ĐHBK-SDH ngày 21/8/2014 về tổ chức và quản lý đào tạo Sau đại học của Hiệu trưởng Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

Các học phần bổ sung, học phần tiên sĩ và chuyên đề tiên sĩ phải đạt mức điểm C trở lên (xem mục 6).

6. Thang điểm

Khoản 6a Điều 62 của Quy định 3341/2014 quy định:

Việc chấm điểm kiểm tra - đánh giá học phần (bao gồm các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần) được thực hiện theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy. Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc (tổng của tất cả các điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần).

Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ với mức như sau:

Điểm số từ 8,5 – 10	chuyển thành điểm A (Giỏi)
Điểm số từ 7,0 – 8,4	chuyển thành điểm B (Khá)
Điểm số từ 5,5 – 6,9	chuyển thành điểm C (Trung bình)
Điểm số từ 4,0 – 5,4	chuyển thành điểm D (Trung bình yếu)
Điểm số dưới 4,0	chuyển thành điểm F (Kém)

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ gồm có 3 phần như bảng sau đây.

Phần	Nội dung đào tạo	A1	A2	A3
1	HP bổ sung	0	CT ThS KH	$16TC \geq$ Bổ sung $\geq 4TC$
	HP TS	8TC		
2	TLTQ	2TC (Thực hiện và báo cáo trong năm học đầu tiên)		
	CĐTS	Tổng cộng 3 CĐTS, mỗi CĐTS 2TC		
3	NC khoa học và Luận án TS	90 TC (thực hiện trong 3 năm đối với hệ tập trung liên tục và 04 năm đối với hệ không tập trung liên tục)		

Lưu ý:

Số TC qui định cho các đối tượng trong là số TC tối thiểu NCS phải hoàn thành.

Đối tượng A2 phải thực hiện toàn bộ các học phần qui định trong chương trình ThS Khoa học của ngành tương ứng, không cần thực hiện luận văn ThS.

Các HP bổ sung được lựa chọn từ chương trình đào tạo Thạc sĩ của ngành đúng chuyên

ngành Tiến sĩ.

Các HP TS được NHD đề xuất từ chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của trường nhằm trang bị kiến cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu cụ thể của LATS.

7.2. Học phần bổ sung

7.2.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ (Đối tượng A2)

NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ký quyết định công nhận là NCS gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ Khoa học ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May: Toàn bộ 25 TC + các học phần bổ sung cho hệ 4 - 4,5 năm của chương trình đào tạo Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành “Công nghệ Vật liệu Dệt May” (không kể 15 TC của luận văn tốt nghiệp).

NỘI DUNG	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
Kiến thức chung	SS6011	Triết học	3	
Kiến thức cơ sở bắt buộc chung (16TC)	TEX5031	Thiết kế vải dệt thoi	2	2(2-1-0-4)
	TEX5123	Phân tích hóa học sản phẩm dệt may	2	2(2-0-1-4)
	TEX6010	Xơ dệt mới	2	2(2-0-0-4)
	TEX6020	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi	2	2(2-0-0-4)
	TEX6030	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6040	Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất Dệt May	2	2(2-0-0-4)
	TEX6050	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2(2-0-0-4)
	TEX6060	Kỹ thuật may hiện đại	2	2(2-0-0-6)
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (8TC)	TEX5062	Nhân trắc học may mặc	2	2(2-0-1-4)
	TEX5023	Động học nhuộm	2	2(2-0-0-4)
	TEX6070	Cơ học vật liệu Dệt May	2	2(2-0-0-6)
	TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)
Kiến thức cơ sở tự chọn (chọn 6TC)	TEX5032	Đo lường may	2	2(2-0-0-4)
	TEX5161	Đo lường dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX5132	CN may sản phẩm từ VL đặc biệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX5041	Cấu trúc vải dệt kim phức tạp	2	2(2-1-0-4)
	TEX5021	Cấu trúc sợi	2	2(2-0-0-4)
	TEX5133	Xử lý hoàn tất SP may	2	2(2-0-0-4)

Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 6TC)	TEX6110	Vật liệu polyme dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6120	Hóa học và hóa lý vật liệu dệt	2	2(2-0-0-4)
	TEX6130	Hình học vải dệt thoi	2	2(2-1-0-4)
	TEX6140	Tiện nghi trang phục	2	2(2-0-0-4)
	TEX6150	Vật liệu dệt trong composit polyme	2	2(1.5-1-0-4)
	TEX6160	Khoa học màu sắc	2	2(2-0-0-4)
	TEX6170	Xử lý số liệu thực nghiệm trong Dệt May	2	2(2-0-0-6)
	TEX6200	Vật liệu dệt cho quần áo bảo vệ	2	2(2-0-0-4)
	TEX6220	Sản phẩm dệt may ứng dụng y sinh học	2	2(2-0-0-4)

7.2.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gân (Đối tượng A3)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ kỹ thuật đúng (phù hợp) học các học phần bổ sung 4 TC như sau:

MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
TEX6070	Cơ học vật liệu Dệt May	2	2(2-0-0-6)
TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)

Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gân với ngành/chuyên ngành học 16 TC các học phần bổ sung như sau:

MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
TEX6070	Cơ học vật liệu Dệt May	2	2(2-0-0-6)
TEX6080	Phương pháp phân tích vi cấu trúc xơ dệt	2	2(1.7-0.6-0-4)
TEX6060	Kỹ thuật may hiện đại	2	2(2-0-0-4)
TEX6010	Xơ dệt mới	2	2(2-0-0-4)
TEX6020	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ sợi	2	2(2-0-0-4)
TEX6030	Tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ dệt	2	2(2-0-0-4)
TEX6040	Kỹ thuật mới trong công nghệ hoàn tất Dệt May	2	2(2-0-0-4)
TEX6050	Kỹ thuật mới trong thiết kế trang phục	2	2(2-0-0-4)

7.3. Học phần Tiên sĩ

Các HP TS nhằm giúp NCS cập nhật các kiến thức mới nhất của lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận NC và khả năng ứng dụng các phương pháp NC khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực NC. Mỗi HP TS được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 TC. Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 8 TC tương ứng với 3 HP trở lên.

7.3.1. Danh mục học phần Tiến sĩ

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	GIẢNG VIÊN	TÍN CHỈ	KHỐI LƯỢNG
1	TEX7010	Khoa học vật liệu Dệt May	1. PGS. TS. Vũ Thị Hồng Khanh 2. TS. Chu Diệu Hương	3	3(3-0-0-6)
2	TEX7021	Khoa học tạo sợi dệt	1. TS. Nguyễn Minh Tuấn 2. TS. Hoàng Thanh Thảo	2	2(2-0-0-6)
3	TEX7031	Lý thuyết dệt thoi	1. PGS. TS. Trần Minh Nam 2. TS. Lê Phúc Bình	2	2(2-0-0-6)
4	TEX7041	Lý thuyết Dệt kim	1. TS. Chu Diệu Hương 2. TS. Lê Phúc Bình	2	2(2-0-0-6)
5	TEX7051	Kỹ thuật thiết kế và mô phỏng trang phục 3 chiều	1. TS. Ngô Chí Trung 2. TS. Bùi Văn Huân 3. TS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc	2	2(2-0-0-6)
6	TEX7061	Lý thuyết quá trình công nghệ may	1. PGS. TS. Phan Thanh Thảo 2. PGS. TS. Trần Bích Hoàn	2	2(2-0-0-6)

* Nghiên cứu sinh có thể chọn một học phần tự chọn liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu trong các học phần do các viện khác trong trường phụ trách, phù hợp với yêu cầu của đề tài nghiên cứu.

7.3.2. Mô tả tóm tắt học phần Tiến sĩ

TEX7010 Khoa học vật liệu Dệt May

Môn học trang bị các kiến thức cần thiết về sự tương tác giữa sản phẩm dệt may và môi trường sử dụng cũng như giữa nguyên liệu dệt và quá trình sản xuất sản phẩm dệt may; bản chất và cơ sở hình thành các đặc trưng cơ học, lý học, sinh học, hoá học của vật liệu dệt và phản ứng của chúng trong quá trình sử dụng. Từ đó, có thể xây dựng mô hình thể hiện mối tương quan giữa chúng.

TEX7010 Science of textile materials

The lecture imparts the knowledge to the student about the interaction between textile product and its surrounding environments as well as textile materials and production processing; The substance and the fundamental formation of mechanical properties, physical properties, biological properties, chemical properties and their behavior during using. Those interactions would be simulated to determinate the relationship between them.

TEX7021 Khoa học tạo sợi dệt

Học phần trang bị kiến thức nâng cao về cơ sở khoa học của các quá trình công nghệ tạo sợi dệt từ xơ dệt bao gồm khoa học xé sợi, trộn đều hỗn hợp, động lực học quá trình phân chải, khoa học xe sẵn tạo bện, tạo sợi và quần ống.

TEX7021 Science of yarn forming

The subject aims to update advanced knowledge and scientific fundamentals of spun yarn forming process from fibres including opening science, mixing science, carding dynamic, twisting science to create yarn strength as well as yarn forming and winding science

TEX7031 Lý thuyết dệt thoi

Học phần truyền đạt cho NCS lý thuyết nâng cao về quần ống tự động, các chất hồ và công nghệ hồ mới, phương trình chuyển động của sợi ngang, nguyên lý đo các thông số công nghệ dệt và mô hình hoá quá trình dệt.

TEX7031 Weaving theory:

The lecture imparts the knowledge to the students about the advanced theory of the automatic winding, new sizes and sizing technology, the equation of the motion of the weft, the principle of the measurement of the parameters of the weaving technology and the modelling of the weaving process.

TEX7041 Lý thuyết dệt kim

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về khoa học dệt kim: hình dạng vòng sợi dệt kim, hình học vải dệt kim, động lực học một số quá trình công nghệ trên máy kim đan ngang và đan dọc và một số kỹ thuật mới trong công nghiệp dệt kim.

TEX7041 Knitting theory

The lecture is consisted of some basic aspects of knitting science: knitted loop shape, knitted fabric geometry, the dynamic of some processing technologies in weft knitting and warp knitting machine and some new technics in knitted industry.

TEX7051 Lý thuyết thiết kế và mô phỏng trang phục

Học phần trang bị các kiến thức cơ sở về mối quan hệ giữa cơ thể người với thiết kế trang phục, giữa tính chất vật liệu may với thiết kế trang phục; lý thuyết thiết kế và mô phỏng trang phục 3 chiều; phương pháp đánh giá.

TEX7051 Theory of apparel design and modeling

The lecture is consisted of bases of relationship between human body and garment design; between garment materials properties and apparel design; theory of three-dimensional (3-D) apparel design; garment modeling and evaluation methods.

TEX7061 Lý thuyết quá trình công nghệ may

Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh các kiến thức nâng cao về cơ sở khoa học của các quá trình công nghệ tạo sản phẩm may bao gồm: trải vải, cắt, chuẩn bị may, khoa học may dùng chỉ và may không chỉ, hoàn thiện sản phẩm may; Ứng dụng kỹ thuật cơ điện tử và điều khiển tự động trong công nghệ trải-cắt-may-hoàn tất sản phẩm.

TEX7061 Theory of clothing technology

This unit of study is equipped for postgraduate students to improve their knowledge about the scientific basis of the technological process to create garments products, such as: Spreading, cutting, sewing preparation, scientific sewn seam and sewfree seam, improving garment products; The applications of the mechanical-electronic engineering and the

automatic control in the spreading-cutting-sewing-improving garment technology of the garment products.

7.3.3. Kế hoạch học tập các học phần Tiến sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần Tiến sĩ trong vòng 24 tháng kể từ ngày Ký quyết định công nhận NCS và theo kế hoạch năm học. HP TS được coi là đạt nếu điểm kết thúc đạt từ C trở lên

Các HP TS được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Khi NCS nhập học, NCS phải đăng ký học các HP TS và nộp cho Viện ĐT Sau đại học.

Bước 2: Viện Dệt may-Da giày và Thời trang lên kế hoạch tổ chức lớp và thông báo cho giáo viên phụ trách học phần và giao cho giáo viên phụ trách HP trong tuần thứ 5 của học kỳ.

Bước 3: NCS thực hiện các HP TS theo đúng qui định và yêu cầu của môn học.

Bước 4: Giáo viên giảng dạy có trách nhiệm nộp cho Viện Dệt may-Da giày và Thời trang kết quả học phần chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc học kỳ để Viện chuyên ngành nộp kết quả cho Viện Đào tạo Sau đại học.

7.4. Tiểu luận tổng quan

Bài TLTQ về tình hình NC và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: Thể hiện kết quả NC phân tích, đánh giá các công trình NC đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung NC giải quyết. NCS thực hiện bài TLTQ dưới sự hướng dẫn của NHD luận án.

Tiểu luận tổng quan được đánh giá kết thúc thông qua hình thức báo cáo trước đơn vị chuyên môn (báo cáo trình bày trong khoảng 15 phút), tranh luận và trả lời câu hỏi, sau đó đơn vị chuyên môn sẽ đánh giá bài TLTQ đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, có ghi biên bản buổi báo cáo.

NCS phải hoàn thành bài TLTQ với kết quả đạt yêu cầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển. Tiểu luận tổng quan tương đương với 2 tín chỉ.

7.5. Chuyên đề Tiến sĩ

Các CĐTS đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực NC khoa học, giúp NCS giải quyết trực tiếp một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ, có thể tùy chọn từ danh sách hướng chuyên sâu. Mỗi hướng chuyên sâu đều có người hướng dẫn do Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Viện quyết định.

Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể. Ưu tiên đề xuất đề tài gắn liền, thiết thực với đề tài của luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề.

Danh mục hướng chuyên sâu cho Chuyên đề Tiến sĩ:

TT	MÃ SỐ	HƯỚNG CHUYÊN SÂU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN	TÍN CHỈ
1	TEX7100	Xử lý số liệu Dệt May	PGS. TS Vũ Thị Hồng Khanh PGS.TS. Phan Thanh Thảo	2
2	TEX7111	Công nghệ kéo sợi và nguyên liệu	TS. Nguyễn Minh Tuấn TS. Hoàng Thanh Thảo TS. Nguyễn Nhật Trinh	2
3	TEX7121	Công nghệ và vải dệt thoi	PGS. TS Trần Minh Nam TS. Lê Phúc Bình TS. Phan Thanh Tuấn TS. Giàn Thị Thu Hương	2
4	TEX7131	Công nghệ và vải dệt kim	TS. Chu Diệu Hương TS. Lê Phúc Bình	2
5	TEX7141	Công nghệ may	PGS. TS. Phan Thanh Thảo PGS. TS Trần Bích Hoàn	2
6	TEX7151	Thiết kế sản phẩm may	TS. Nguyễn Thị Thuý Ngọc TS. Trần Thị Minh Kiều PGS. TS. Lã Thị Ngọc Anh	2
7	TEX7161	Công nghệ hoàn tất	PGS. TS Vũ Thị Hồng Khanh TS. Vũ Mạnh Hải TS. Đoàn Anh Vũ TS. Nguyễn Ngọc Thắng	2
8	TEX7171	Vật liệu dệt may	PGS. TS Vũ Thị Hồng Khanh TS. Chu Diệu Hương TS. Phạm Đức Dương	2
9	TEX7181	Đo lường dệt may	TS. Nguyễn Minh Tuấn PGS.TS Vũ Thị Hồng Khanh PGS. TS. Phan Thanh Thảo	2
10	TEX7191	Ứng dụng tin học trong Dệt May	TS. Bùi Văn Huân TS. Nguyễn Thị Thuý Ngọc PGS. TS. Lã Thị Ngọc Anh	2

CDTS được coi là đạt nếu kết quả trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ C trở lên.

7.6. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

NC khoa học là giai đoạn chính, mang tính bắt buộc trong quá trình NCS thực hiện LATS. Đây là giai đoạn mà NCS có thể đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới, hình thành các cơ sở quan trọng nhất để viết nên LATS. Trên cơ sở tính chất của lĩnh vực NC thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật – công nghệ, các Viện chuyên ngành, các BM và NHD có các yêu cầu cụ thể đối với việc NC khoa học của NCS:

Đánh giá hiện trạng tri thức, hiện trạng giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án.

Yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết.

Yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, gắn liền với thí nghiệm.

Phân tích, đánh giá các kết quả thu được từ quá trình suy luận khoa học hay thí nghiệm.

NCS phải chủ động thực hiện nhiệm vụ NCKH và kết quả nghiên cứu phải được công bố chính thức thành các bài báo khoa học theo đúng quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ. Các đề tài NCKH và bài viết công bố phải phù hợp với mục tiêu của luận án, đảm bảo tính trung thực, tính khoa học và tính mới. Nội dung các bài báo phản ánh các nội dung chính của luận án và không được trùng lặp. Các bài báo, phát minh, sáng chế là kết quả nghiên cứu, nghiên cứu sinh phải đứng tên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Luận án tiến sĩ phải là một công trình NC khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Luận án tiến sĩ thực hiện đúng quy cách và đảm bảo các yêu cầu cơ bản theo quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ.

NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

8. Danh sách Tạp chí/Hội nghị khoa học

NCS có thể chọn công bố các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ hoàn thành luận án Tiến sĩ trong tạp chí/kỷ yếu hội nghị chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm.